

CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHU CANH, TỈNH HÒA BÌNH

Vũ Tiên Thịnh

Viện Sinh thái rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Khu Bảo tồn thiên nhiên Phu Canh, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình có diện tích 5.644ha, giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học. Đợt điều tra từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2012 đã ghi nhận tổng số 27 loài thú thuộc 14 họ, 4 bộ; 60 loài chim thuộc 23 họ, 6 bộ; 22 loài bò sát thuộc 10 họ, 2 bộ và 14 loài ếch nhái thuộc 6 họ, 1 bộ, cao hơn rất nhiều so với báo cáo điều tra sơ bộ trước đây. Trong đó, nhiều loài quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, Danh lục Đỏ IUCN và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Tuy nhiên các động vật quý hiếm này hiện còn số lượng rất ít như Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*); Sơn dương (*Capricornis milneedwardsii*). Một số loài động vật đã bị tuyệt chủng cục bộ trong những năm gần đây. Điều này cho thấy nếu các nỗ lực bảo tồn không được triển khai sớm thì các quần thể của các loài động vật quý hiếm cư trú trong Khu bảo tồn có thể suy giảm nhanh chóng.

Từ khóa: Đa dạng sinh học, động vật hoang dã, loài quý hiếm, Phu Canh

Status of the endangered wildlife species of Phu Canh nature reserve, Hoa Binh province

Phu Canh nature reserve is located in Da Bac district, Hoa Binh province. Although the reserve only covers an small area of 5,644 ha, it plays an important role in the conservation of biodiversity resources and supports many rare wildlife species that have high conservation value in terms. During a survey from September to October 2012, a total of 27 mammal species in 14 families, 4 orders, 60 bird species in 23 families, 6 orders, 22 reptile species in 10 families, 2 orders, and 14 amphibian species in 6 families, 1 order were recorded. The number of species recorded during the survey is much higher than the previous preliminary investigation. Many species are rare and endangered and listed in the Vietnam Red Book, IUCN Red List and Decree 32/2006/ND-CP. However, the populations of those endangered species such as Asiatic black bear (*Ursus thibetanus*), mainland serow (*Capricornis milneedwardsii*) contain few individuals. Some animal species have become locally extinct in recent years. This suggests that if conservation efforts are not implemented soon, the populations of the endangered wildlife species residing in protected areas may decline rapidly.

Keywords: biodiversity, endangered species, Phu Canh, wildlife

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Phu Canh là khu vực điển hình cho kiểu rừng rậm thường xanh trên núi đất chứa đựng giá trị đa dạng sinh học cao với nhiều loài động, thực vật quý hiếm đặc trưng của khu vực Tây Bắc. Hiện nay, có rất nhiều tác động của con người làm ảnh hưởng tới tình trạng quần thể các loài động vật trong khu bảo tồn, trong khi hệ động vật tại đây chưa được điều tra một cách cụ thể, đặc biệt là tình trạng của các loài quý hiếm. Do đó, việc điều tra, khảo sát nhằm xác định chính xác thành phần, số lượng và tình trạng các loài động vật quý hiếm tại khu vực là việc làm cấp bách, có giá trị về mặt khoa học và bảo tồn. Thông tin thu thập được sẽ bổ sung cho danh lục động vật, đồng thời làm cơ sở đề ra những giải pháp quản lý, bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học tại khu vực.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài động vật thuộc 4 lớp Thú, Chim, Bò sát và Lưỡng cư. Trong đó tập trung vào các loài quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, Danh lục Đỏ IUCN và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phỏng vấn

Hình ảnh trong các tài liệu nhận dạng động vật hoang dã và đặc điểm sinh học, sinh thái, tập tính của loài được sử dụng để phỏng vấn những người có kinh nghiệm đi rừng, thợ săn và cán bộ của KBTTN có hiểu biết tốt về các loài thú, chim, bò sát và ếch nhái... Kết quả phỏng vấn sẽ kiểm chứng một cách chính xác những thông tin ghi nhận được ngoài thực địa. Mặt khác quá trình phỏng vấn còn cung cấp những thông tin về sự có mặt của các loài mà có thể quá trình điều tra thực địa không ghi nhận được.

2.2.2. Điều tra thực địa

Quá trình điều tra thực địa được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2012 trên địa bàn các xã Đông Ruộng, Đông Chum và Đoàn Kết, đặc biệt tập trung vào những khu vực rừng ít bị tác động. Các tuyến điều tra đi qua các dạng sinh cảnh đặc trưng trong khu vực và các địa điểm mà thợ săn, người đi rừng hay bẫy gập các loài động vật, đồng thời đảm bảo phân bố đều trên toàn bộ khu vực điều tra.

Các loài thú được ghi nhận thông qua việc quan sát trực tiếp hoặc thông qua các dấu vết liên quan như tiếng kêu, vết ăn, vết cào, vết chà sát, sừng, lông, phân, dấu chân, chỗ ngủ... Thời gian điều tra từ sáng sớm (5h30) đến chiều tối (18h00) và buổi tối đối với các loài hoạt động ban đêm. Định loại nhanh các loài thú ngoài thực địa bằng sách hướng dẫn nhận biết có hình vẽ màu của Francis (2001; 2008), Nadler và Nguyễn Xuân Đặng (2008). Danh lục thú được xây dựng dựa theo hệ thống phân loại của Nguyễn Xuân Đặng và Lê Xuân Cảnh (2009).

Các loài chim được ghi nhận bằng việc quan sát trực tiếp bằng mắt thường bằng ống nhòm Nikon 8x40 hoặc qua tiếng kêu. Ngoài ra, phương pháp dùng lưới mờ cũng được áp dụng. Hoạt động điều tra được tiến hành vào hai thời điểm chính là sáng sớm và chiều tối vì đây là thời điểm chim hoạt động mạnh. Các loài chim được định loại nhanh ngoài thực địa với sự hỗ trợ của các tài liệu: Craig Robson (2000), Nguyễn Cử và đồng tác giả (2000). Danh lục Chim theo hệ thống phân loại của Richard Howard và Alick Moore (1991). Tên phổ thông và tên Latinh của các loài chim theo Nguyễn Lâm Hùng Sơn và Nguyễn Thanh Vân (2011), và Võ Quý và Nguyễn Cử (2000).

Các loài bò sát và lưỡng cư được ghi nhận qua quan sát trực tiếp hoặc dấu vết mà chúng để lại như vảy, mai, da... Phân loại và sắp xếp các loài bò sát và lưỡng cư theo tài liệu của Đào

Văn Tiên (1977, 1978, 1981), Nguyễn Văn Sáng và cộng sự (2009).

Các loài động vật quý hiếm là những loài có mặt một trong 3 tài liệu: Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2012), Nghị định số 32/2006-NĐ/CP hoặc các loài là đối tượng săn bắt, số lượng đang suy giảm nhanh và nguy cơ tuyệt chủng tại khu vực.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Danh sách các loài động vật có giá trị bảo tồn tại KBTTN Phu Canh

Tổng số 33 loài động vật quan trọng tại KBTTN Phu Canh đã được xác định, bao gồm 16 loài thú, 7 loài chim và 10 loài bò sát.

Bảng 1. Danh sách các loài thú quan trọng tại KBTTN Phu Canh

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Nguồn thông tin	Mức nguy cấp		
				IUCN	SĐVN	NĐ32
	I. Bộ Linh trưởng	Primates				
	1. Họ Cu li	Loricidae				
1	Cu li lớn	<i>Nycticebus begalensis</i>	PV	VU	VU	I
2	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	QS	VU	VU	I
	2. Họ khỉ	Cercopithecidae				
3	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	PV			II
4	Khỉ cộc	<i>M. arctoides</i>	PV	VU	VU	II
	II. Bộ Ăn thịt	Carnivora				
	3. Họ Gấu	Ursidae				
5	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	PV	VU	EN	I
	4. Họ Triết	Mustelidae				
6	Lửng lợn	<i>Arctonyx collaris</i>	DV	NT		
	5. Họ Cây	Viverridae				
7	Cây hương	<i>Viverricula indica</i>	DV			II
8	Cây giông	<i>Viverra zibetha</i>	PV	NT	VU	II
9	Cây gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	PV		VU	II
10	Cây văn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>	PV	VU	VU	II
	6. Họ Mèo	Felidae				
11	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>	PV			I
12	Báo lửa	<i>Captopuma temmincki</i>	PV	NT	EN	I
	III. Bộ guộc chân	Artiodactyla				
	7. Họ Trâu bò	Bovidae				
13	Sơn dương	<i>Capricornis milneedwardsii</i>	PV		EN	I
	IV. Bộ Gặm nhấm	Rodentia				
	8. Họ Sóc bay	Pteromyidae				
14	Sóc bay trâu/lớn	<i>Petaurista philippensis</i>	PV			II
15	Sóc bay lông tai	<i>Belomys pearsoni</i>	PV	NT	CR	
	9. Họ Sóc cây	Sciuridae				
16	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	PV	NT	VU	

Nguồn thông tin: QS - Phát hiện trong khi điều tra ngoài thực địa; DV- Ghi nhận qua dấu vết để lại ngoài thực địa; PV - Ghi nhận qua phỏng vấn; MV: Ghi nhận qua mẫu vật thu được.

Mức nguy cấp: NĐ32 - Nghị định số 32 của Chính phủ năm 2006; SĐVN - Sách Đỏ Việt Nam năm 2007; IUCN - Danh lục Đỏ của IUCN năm 2012; CR - Rất nguy cấp; EN - Nguy cấp; VU - Sẽ nguy cấp; NT: Gần bị đe dọa; IB: Động vật rừng cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; IIB: Động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Danh sách 16 loài thú có giá trị bảo tồn cao thuộc 9 họ, 4 bộ đã được xác định từ tổng số 27 loài thú (14 họ, 4 bộ) được ghi nhận có mặt trong khu bảo tồn. Trong đó, 10 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2012), 11 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) và 13 loài trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Như vậy, các loài thú quan trọng chiếm hơn một nửa tổng số loài thú được ghi nhận tại khu vực. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của KBTTN Phu Canh trong việc bảo tồn các loài thú quý hiếm.

Khu bảo tồn thiên nhiên Phu Canh là nơi sống của khá nhiều loài thú quý hiếm, có giá trị bảo tồn cao. Tuy nhiên, các loài thú này còn số lượng rất ít như Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), hiện chỉ còn khoảng 2 cá thể, phân bố chủ yếu ở khu vực gần núi Phu Canh, thuộc địa phận

xóm Nhạp xã Đồng Chum. Báo lửa (*Captopuma temmincki*) có số lượng còn rất ít, khó bắt gặp. Sơn dương (*Capricornis milneedwardsii*) theo điều tra còn xuất hiện ở Tà Khóp, Nhạp và các khu vực rừng trên núi đá khác. Số lượng cá thể Sơn dương hiện tại được ước lượng vào khoảng 2-3 cá thể. Sóc bay lông tai (*Belomys pearsoni*) có số lượng khá hiếm và chỉ phân bố trong các khu vực có rừng gỗ lớn của Khu bảo tồn.

Một số loài động vật đã từng phân bố trong khu vực nhưng hiện đã xác định bị tuyệt chủng gồm: loài Vượn đen tuyền Tây Bắc (*Nomascus unicolor*), Nai (*Rusa unicolor*), Tê tê (*Manis pentadactyla*). Đây là minh chứng cho thấy tốc độ tuyệt chủng của các loài động vật hoang dã ở đây đang diễn ra rất nhanh, đòi hỏi các hoạt động bảo tồn kịp thời.

Bảng 2. Danh sách các loài chim có giá trị bảo tồn tại KBTTN Phu Canh

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Nguồn thông tin	Mức nguy cấp		
				IUCN	SĐVN	NĐ32
	I. Bộ Gà	Galliformes				
	1. Họ Trĩ	Phasianidae				
1	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	QS, MV, PV			IB
2	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	NG, PV		VU	IB
	II. Bộ Sẻ	Passeriformes				
	2. Họ Chích chòe	Turnidae				
3	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>	QS			IIB
	3. Họ Khướu	Timaliidae				
4	Họa mi	<i>Garrulax canorus</i>	QS, PV			
5	Khướu bạc má	<i>Garrulax chinensis</i>	QS, PV			
6	Khướu đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>	PV			
	4. Họ Sáo	Sturnidae				
7	Yềng	<i>Gracula religiosa</i>	PV			IIB

Nguồn thông tin: QS - Phát hiện trong khi điều tra ngoài thực địa; DV - Ghi nhận qua dấu vết để lại ngoài thực địa; NG - Ghi nhận qua tiếng kêu; PV - Ghi nhận qua phỏng vấn; MV: Ghi nhận qua mẫu vật thu được.

Mức nguy cấp: NĐ32 - Nghị định số 32 của Chính phủ năm 2006; SĐVN - Sách Đỏ Việt Nam năm 2007; IUCN - Danh lục Đỏ của IUCN năm 2012; CR - Rất nguy cấp; EN - Nguy cấp; VU - Sẽ nguy cấp; NT: Gần bị đe dọa; IB: Động vật rừng cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; IIB: Động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Trong tổng số 60 loài chim được ghi nhận tại Khu bảo tồn thiên nhiên Phu Canh thuộc 23 họ và 6 bộ, có 7 loài (4 họ, 2 bộ) đang bị khai thác mạnh hoặc bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam và trên thế giới. Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*) và Gà tiền mặt vàng (*Polyplectron bicalcaratum*) là 2 loài quý hiếm, hiện có số lượng ít và rất khó bắt gặp trong KBT. Nhóm điều tra đã phát hiện được một đàn 3 cá thể Gà lôi trắng tại khu

vực Tà Khớp; xác định được sự có mặt của Gà tiền mặt vàng trong khu vực điều tra qua tiếng kêu và phỏng vấn người dân.

Các loài còn lại cũng được xác định là những loài chim cần ưu tiên bảo tồn trong khu vực. Hiện nay, những loài này vẫn còn khá phổ biến trong KBT nhưng đang là đối tượng được người dân săn bắt mạnh, số lượng sẽ suy giảm nhanh chóng nếu không có những biện pháp bảo tồn kịp thời.

Bảng 3. Danh sách các loài bò sát có giá trị bảo tồn tại KBTTN Phu Canh

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Nguồn thông tin	Tình trạng bảo tồn		
				IUCN	SĐVN	NĐ32
	A. Lớp Bò sát	Reptilia				
	I. Bộ Có vảy	Squamata				
	1. Họ Tắc kè	Gekkonidae				
1	Tắc kè hoa	<i>Gekko gecko</i>	MV		VU	
	2. Họ Kỳ đà	Varanidae				
2	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	QS, PV		EN	IIB
	3. Họ Rắn nước	Colubridae				
3	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	PV		EN	
4	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i>	PV		EN	IIB
	4. Họ Rắn hổ	Elapidae				
5	Rắn hổ mang	<i>Naja atra</i>	MV, PV		EN	IIB
6	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	MV, PV	VU	CR	IB
7	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	QS, PV		EN	IIB
	II. Bộ Rùa	Testudinata				
	5. Họ Rùa đằm	Geoemydidae				
8	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>	QS, MV			
	6. Họ Ba ba	Trionychidae				
9	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis</i>	PV	VU		
10	Ba ba gai	<i>Palea steindachneri</i>	PV	EN	VU	

Nguồn thông tin: QS - Phát hiện trong khi điều tra ngoài thực địa; DV- Ghi nhận qua dấu vết để lại ngoài thực địa; PV - Ghi nhận qua phỏng vấn; MV: Ghi nhận qua mẫu vật thu được.

Mức nguy cấp: NĐ32 - Nghị định số 32 của Chính phủ năm 2006; SĐVN - Sách Đỏ Việt Nam năm 2007; IUCN - Danh lục Đỏ của IUCN năm 2012; CR - Rất nguy cấp; EN - Nguy cấp; VU - Sẽ nguy cấp; NT: Gần bị đe dọa; IB: Động vật rừng cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; IIB: Động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Trong số 36 loài bò sát và ếch nhái ghi nhận được có 10 loài bò sát đang bị đe dọa ở các mức độ khác nhau. Các loài bò sát quý hiếm tại đây chủ yếu thuộc bộ Có vảy và bộ Rùa. Trong đó, các loài đặc biệt quý hiếm, ưu tiên bảo tồn là Kỳ đà hoa (*Varanus salvator*) với quần thể đã suy giảm khá nhiều. Nhóm điều tra đã bắt gặp một cá thể Kỳ đà hoa trong quá trình điều tra tại khu vực gần thác Tà Khớp; Ngoài ra, Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*), Ba ba gai (*Palea steindachneri*) là các loài hiếm cần đặc biệt ưu tiên bảo tồn.

IV. KẾT LUẬN

1. Có 16 loài thú, 7 loài chim và 10 loài bò sát cần ưu tiên bảo tồn đã được ghi nhận tại KBTTN Phu Canh. Đây là các loài bị đe dọa ở cấp quốc gia, toàn cầu, được pháp luật Việt

Nam bảo vệ, đồng thời là những loài đang bị săn bắt và khai thác mạnh trong khu vực.

2. Nhiều loài động vật quý hiếm hiện còn số lượng rất ít như Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*); Sơn dương (*Capricornis milneedwardsii*), các loài linh trưởng. Các loài quý hiếm này hiện chỉ còn phân bố tại khu vực đỉnh núi Phu Canh và khu vực xung quanh thác Tà Khớp.

3. Một số loài động vật đã từng phân bố trong khu vực cách đây 1-2 thập kỷ nhưng hiện đã xác định bị tuyệt chủng gồm: Vượn đen tuyền Tây Bắc (*Nomascus unicolor*), Nai (*Rusa unicolor*), Tê tê (*Manis pentadactyla*). Đây là minh chứng cho thấy mức độ suy giảm của các loài động vật hoang dã ở đây đang diễn ra rất nhanh, đòi hỏi các hoạt động bảo tồn kịp thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ khoa học và Công nghệ, 2007. Sách Đỏ Việt Nam (Phần I. Động vật). NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Thủ tướng chính phủ về: Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
3. Nguyễn Cừ, Lê Trọng Trãi, & Phillips, K., 2000. Chim Việt Nam. NXB Lao động, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Đăng và Lê Xuân Cảnh, 2009. Phân loại học lớp thú (Mammalia) và đặc điểm khu hệ thú hoang dã Việt Nam. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
5. Phạm Nhật, Nguyễn Cừ, Võ Sĩ Tuấn, Cox, N., Tiến, N. V., Hồ, Đ. T., 2003. Sổ tay hướng dẫn giám sát và điều tra đa dạng sinh học. NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.
6. Võ Quý và Nguyễn Cừ, 1995. Danh lục chim Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Đào Văn Tiến, 1981. Khoá định loại Bò sát - Ếch nhái. Tạp chí Sinh vật học. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
8. Francis, C. M., 2008. A Guide to the Mammals of Southeast Asia. Princeton University Press, USA.
9. Nadler, T., & Nguyễn Xuân Đăng, 2008. Các loài động vật được bảo vệ ở Việt Nam. HAKI Publishing, Hà Nội.
10. Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc and Nguyen Quang Truong, 2009. Herpetology of Vietnam. Edition Chimaira, Frankfurt.
11. Robson, C., 2000. A Guide to the Birds of Southeast Asia: Thailand, Peninsular Malaysia, Singapore, Myanmar, Laos, Vietnam, Cambodia. Princeton University Press. Princeton and Oxford
12. IUCN, 2012. The IUCN Red List of Threatened Species. Version 2010.1. <http://www.iucnredlist.org>. Downloaded on 1 December 2012.

Người thẩm định: TS. Nguyễn Kim Tiến